

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/7/2020.

V/v: Ly hôn giữa chị Chung Thị Hồng P  
và anh Nguyễn Tiến H.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Hoàng Tập và ông Nguyễn Văn Nghi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Chung Thị Hồng P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: đường A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chung Thị Hồng P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau vào năm 2000, đến năm 2005 đã ly hôn, đến ngày 01/01/2007 về chung sống với nhau và có đăng ký tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình sống chung với nhau từ năm 2007 cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, không tôn trọng nhau, anh H thường xuyên uống rượu, ngoại tình, đi bay, lác nên thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm của chị đối với anh H không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mẫn Thục N, sinh ngày 25/01/2002 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/01/2009, hiện tại 02 con đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi thành niên, chị làm nghề kinh doanh mua bán tủ, giường, chăn, gối, nệm tại nhà, thu nhập bình quân một tháng là 15.000.000đ - 20.000.000đ, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Chung Thị Hồng P và anh Nguyễn Tiến H ly hôn; giao con chung Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/01/2009 cho chị Chung Thị Hồng P nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về án phí: chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị P và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/01/2007, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 01, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến H ở địa chỉ: đường A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Chung Thị Hồng P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Tiến H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Chung Thị Hồng P và anh Nguyễn Tiến H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung theo chị P xác định: vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo chị P xác định:

do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, anh H thường xuyên uống rượu, ngoại tình, đi bay, lác, nên vợ chồng không tôn trọng và thường xuyên cãi nhau.

*Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 02/3/2020 đối với chị Nguyễn Hoàng Long N là người làm thuê cho vợ chồng chị P, anh H, có nội dung:* Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P, anh H cụ thể như thế nào thì chị không biết, chị chỉ biết anh H thường xuyên đi sớm, về khuya, có hôm đi hai, ba ngày liền mới về nhà.

Xét hôn nhân giữa chị P và anh H lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P, anh H đã từng ly hôn một lần. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Chung Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H.

+ Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mẫn Thục N, sinh ngày 25/01/2002 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/01/2009. Tham khảo ý kiến của cháu T theo văn bản ghi ngày 10/02/2020 thì nguyện vọng của cháu T xin được chung sống với chị P. Cháu Nguyễn Mẫn Thục N đã đủ tuổi thành niên không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không xem xét. Vì vậy, giao con chung là Nguyễn Bảo T cho chị P nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp. Chị P đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Chung Thị Hồng P về: “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến H.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Chung Thị Hồng P về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến H.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Chung Thị Hồng P và anh Nguyễn Tiến H.

**3.** Về con: Giao con chung có họ và tên là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/01/2007 cho chị Chung Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị P đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Nguyễn Tiến H cấp dưỡng.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.*

**4.** Về án phí: Chị Chung Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016491 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Chung Thị Hồng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã L, Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký và đóng dấu)**

**Vũ Đức Công**